

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 47

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 19 được cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	
Ông Park Sung Jin	Thành viên	
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Lê Hoàng Yên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018
Ông Kim Kyoung Rok	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Choi Hyung Joon	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018

10/11/2018

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61110609/20160065-31122018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1


Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.170.402.259.798	962.881.893.680
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	56.240.642.185	126.055.923.872
111	1. Tiền		38.840.642.185	35.075.093.872
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.400.000.000	90.980.830.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		452.548.500.000	187.860.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	452.548.500.000	187.860.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		239.569.580.845	244.506.753.228
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	227.611.563.628	218.195.874.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	25.442.860.902	9.241.051.435
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	60.773.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.983.210.878	9.554.592.897
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2, 7, 8	(35.468.054.563)	(53.257.765.500)
140	IV. Hàng tồn kho	10	403.861.648.525	395.864.891.161
141	1. Hàng tồn kho		419.949.878.914	406.623.565.922
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.088.230.389)	(10.758.674.761)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.181.888.243	8.594.325.419
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	10.461.302.311	8.164.772.429
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.570.585.932	279.552.990
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.000.000	150.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		334.921.831.991	330.146.022.315
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	2.365.523.158	2.106.486.456
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.690.411.833	3.431.375.131
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.324.888.675)	(1.324.888.675)
220	II. Tài sản cố định		273.125.440.183	274.771.355.590
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	265.794.612.166	266.371.606.845
222	Nguyên giá		571.332.073.478	530.905.577.919
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(305.537.461.312)	(264.533.971.074)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	71.919.283
225	Nguyên giá		-	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(41.637.473)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	7.330.828.017	8.327.829.462
228	Nguyên giá		40.548.062.876	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.217.234.859)	(31.123.348.414)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		25.348.200.000	25.348.200.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	14	22.710.000.000	22.710.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14	11.590.390.000	11.590.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	2.638.200.000	2.638.200.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	14	(11.590.390.000)	(11.590.390.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		34.082.668.650	27.919.980.269
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	17.003.502.987	14.476.024.569
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	17.079.165.663	13.443.955.700
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.505.324.091.789	1.293.027.915.995


Hàng: H
VC
4A
4A
1.11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		583.621.423.780	367.895.608.558
310	I. Nợ ngắn hạn		219.741.793.817	173.262.860.433
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	79.741.683.361	58.527.572.865
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	21.403.410.987	8.994.409.919
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	23.015.809.543	18.235.508.528
314	4. Phải trả người lao động		17.007.943.807	13.915.634.048
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.312.520.102	12.809.520.898
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.158.581.355	5.575.156.215
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.1	69.101.844.662	55.205.057.960
330	II. Nợ dài hạn		363.879.629.963	194.632.748.125
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.588.964.872	14.593.920.027
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.1	113.516.165.091	179.951.919.582
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	21.2	234.774.500.000	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	-	86.908.516
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	921.702.668.009	925.132.307.437
410	I. Vốn chủ sở hữu		921.702.668.009	925.132.307.437
411	1. Vốn cổ phần	23.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.2	203.072.724.247	203.072.724.247
415	3. Cổ phiếu quỹ	23.2	(76.000.000.000)	(49.000.000.000)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.5	734.156.888	13.373.212.886
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		374.098.056.874	337.888.640.304
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		295.537.175.749	292.369.758.040
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		78.560.881.125	45.518.882.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.505.324.091.789	1.293.027.915.995


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

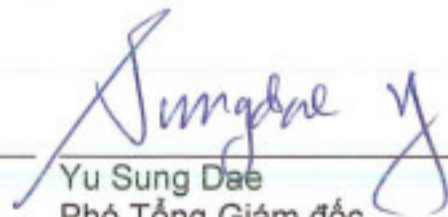
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.181.625.140.719	997.654.216.003
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(2.201.416.707)	(3.465.659.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.179.423.724.012	994.188.556.651
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(821.437.710.706)	(668.930.322.598)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		357.986.013.306	325.258.234.053
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	28.825.475.608	12.652.637.853
22	7. Chi phí tài chính	27	(25.796.464.430)	(23.324.676.543)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.466.684.069)	(7.920.513.791)
25	8. Chi phí bán hàng	28	(159.880.317.003)	(122.962.817.158)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(104.307.993.823)	(133.752.371.453)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.826.713.658	57.871.006.752
31	11. Thu nhập khác		1.326.775.440	549.676.287
32	12. Chi phí khác		(95.847.918)	(570.674.656)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.230.927.522	(20.998.369)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		98.057.641.180	57.850.008.383
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(23.131.970.018)	(21.656.292.114)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	3.635.209.963	9.325.165.995
60	17. Lợi nhuận sau thuế		78.560.881.125	45.518.882.264


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu


Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính


Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		98.057.641.180	57.850.008.383
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		44.479.888.042	39.914.573.473
03	Các khoản dự phòng		19.147.213.846	52.088.605.228
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		539.077.308	246.407.100
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.077.913.094)	(8.327.392.437)
06	Chi phí lãi vay	27	16.466.684.069	7.920.513.791
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		157.612.591.351	149.692.715.538
09	Tăng các khoản phải thu		(52.554.738.614)	(24.990.008.149)
10	Giảm hàng tồn kho		6.260.669.221	874.968.898
11	Tăng các khoản phải trả		19.177.925.434	40.911.090.213
12	Tăng chi phí trả trước		(1.533.801.366)	(4.317.435.935)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.753.572.027)	(4.245.161.265)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(20.571.815.592)	(29.882.615.153)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.271.919.569)	(4.607.153.187)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		78.365.338.838	123.436.400.960
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(23.344.107.853)	(30.402.275.479)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		743.122.598	176.854.545
23	Tiền chi cho vay, đầu tư ngắn hạn		(648.229.326.666)	(187.860.000.000)
24	Tiền thu cho vay, đầu tư ngắn hạn		383.540.826.666	73.140.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(22.710.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.003.052.638	3.115.785.452
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(266.286.432.617)	(164.539.635.482)

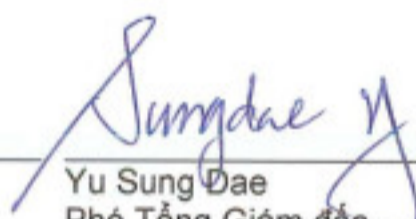
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(27.000.000.000)	(49.000.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		425.576.155.084	271.536.356.044
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(245.831.656.490)	(92.138.933.362)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(25.728.214)	(34.078.570)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(39.805.509.500)	(41.920.159.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		112.913.260.880	88.443.184.862
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(75.007.832.899)	47.339.950.340
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	126.055.923.872	78.546.140.339
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		5.192.551.212	169.833.193
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	56.240.642.185	126.055.923.872



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 19 được cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.591 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.295 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18-104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

11/10/2019
S/ H/ H/ K/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ* (tiếp theo)

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.13 *Trái phiếu chuyển đổi*

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.647.250.291	125.729.566
Tiền gửi ngân hàng	37.193.391.894	34.949.364.306
Các khoản tương đương tiền (*)	17.400.000.000	90.980.830.000
	56.240.642.185	126.055.923.872

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng hưởng lãi suất 5%/năm (2017: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	452.548.500.000	452.548.500.000	187.860.000.000	187.860.000.000
	452.548.500.000	452.548.500.000	187.860.000.000	187.860.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,2%/năm. (2017: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	227.611.563.628	217.468.161.219
Công ty TNHH Petit Elin	17.167.570.420	1.533.757.440
Công ty TNHH Everpia Cambodia	10.077.275.617	15.426.086.160
Công ty TCK Textiles Korea Inc	9.554.393.020	-
Công ty TNHH Imarket Việt Nam	-	12.280.000.000
Công ty TNHH Aeon Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	8.843.728.976
Công ty TNHH Global Garment Sourcing	1.077.839.640	6.563.563.820
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	5.714.641.335	6.272.624.590
AG - NGUYEN TRAI 404	5.542.156.405	1.514.257.702
Công ty TNHH Hòa Bình	4.554.735.851	-
Công ty TNHH The Garden	4.526.516.768	-
Công ty Lan Phát- GDB	3.947.203.796	1.883.957.795
GDB – Thanh Hóa	3.728.085.206	1.760.462.195
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	-	3.873.319.811
Các khoản phải thu khách hàng khác	161.721.145.570	157.516.402.730
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	727.713.177
	227.611.563.628	218.195.874.396
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(22.763.610.516)	(21.949.361.190)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận chuyển Quốc tế Shenzhen East Pacific	-	1.830.925.551
Nguyễn Hoài Thanh	4.000.000.000	-
Công ty thiết kế ZIOVI	3.837.900.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	2.576.974.638	-
Trả trước cho các đối tượng khác	15.027.986.264	7.410.125.884
	25.442.860.902	9.241.051.435
Dự phòng phải thu trả trước cho người bán ngắn hạn	(696.080.000)	(696.080.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)	-	60.773.000.000
	-	60.773.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	-	(25.365.588.640)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.958.487.655	-
Lãi tiền gửi và cho vay	8.038.129.905	8.356.777.708
Tạm ứng cho nhân viên	1.287.327.303	924.516.884
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	408.563.638	61.166.173
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	1.168.513.803	-
Phải thu ngắn hạn khác	122.188.574	212.132.132
	21.983.210.878	9.554.592.897
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(12.008.364.047)	(5.246.735.670)
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	5.246.735.670
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các đối tượng khác</i>	21.983.210.878	4.307.857.227
Dài hạn		
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	2.365.523.158	2.106.486.456
Phải thu dài hạn khác	80.745.953	80.745.953
	3.690.411.833	3.431.375.131
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.324.888.675)	(1.324.888.675)

9. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Everpia Cambodia	10.077.275.599	2.336.945.334	15.426.086.160	5.474.463.373
Công ty Cổ phần Texpia	-	-	66.019.735.670	35.407.411.360
Các khoản phải thu khác	57.489.870.447	28.437.257.474	24.236.570.612	10.217.863.534
TỔNG CỘNG	67.567.146.046	30.774.202.808	105.682.392.442	51.099.738.267

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	6.121.493.812	-	13.112.559.991	-
Nguyên liệu, vật liệu	231.446.359.852	(9.252.711.215)	235.024.197.350	(6.431.220.743)
Thành phẩm	179.605.691.714	(6.835.519.174)	153.281.165.757	(3.042.652.257)
Hàng hóa	2.776.333.536	-	5.205.642.824	(1.284.801.761)
	419.949.878.914	(16.088.230.389)	406.623.565.922	(10.758.674.761)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	10.758.674.761	4.233.125.999
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	12.308.720.319	9.594.318.575
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.979.164.691)	(3.068.769.813)
Số cuối năm	16.088.230.389	10.758.674.761

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	196.628.049.412	262.566.359.566	13.646.730.827	38.501.244.456	19.563.193.658	530.905.577.919
- Mua trong năm	385.252.720	35.047.201.536	263.028.869	6.504.775.605	-	42.200.258.730
- Thanh lý, nhượng bán	(186.752.720)	(1.105.158.418)	-	(481.852.033)	-	(1.773.763.171)
Số cuối năm	196.826.549.412	296.508.402.684	13.909.759.696	44.524.168.028	19.563.193.658	571.332.073.478
Trong đó:						
Đã khấu hao hết Tài sản sử dụng để thế chấp cho khoản vay và trái phiếu (Thuyết minh số 21.1)	20.371.429.571	83.557.500.731	7.561.915.994	4.896.226.535	4.230.505.520	120.617.578.351
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	57.815.709.698	165.195.055.043	11.714.288.710	17.125.199.945	12.683.717.678	264.533.971.074
- Khấu hao trong năm	12.751.440.474	21.807.640.088	1.141.704.085	4.993.289.631	1.733.564.792	42.427.639.070
- Thanh lý, nhượng bán	(5.187.576)	(937.109.223)	-	(481.852.033)	-	(1.424.148.832)
Số cuối năm	70.561.962.596	186.065.585.908	12.855.992.795	21.636.637.543	14.417.282.470	305.537.461.312
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	138.812.339.714	97.371.304.523	1.932.442.117	21.376.044.511	6.879.475.980	266.371.606.845
Số cuối năm	126.264.586.816	110.442.816.776	1.053.766.901	22.887.530.485	5.145.911.188	265.794.612.166



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Thiết bị văn phòng</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	113.556.756
Giảm trong năm	<u>(113.556.756)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	41.637.473
Khấu hao trong năm	<u>(41.637.473)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>71.919.283</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, hợp đồng thuê tài chính này đã hết hạn và Công ty đã mua lại tài sản đi thuê này.

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
- Mua trong năm	1.071.885.000	-	25.000.000	-	1.096.885.000
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.463.284.189	686.893.687	40.548.062.876
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	7.831.500.000	266.973.710	686.893.687	8.785.367.397
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	17.363.259.873	7.831.500.000	5.241.694.854	686.893.687	31.123.348.414
- Hao mòn trong năm	1.285.797.191	-	808.089.254	-	2.093.886.445
Số cuối năm	18.649.057.064	7.831.500.000	6.049.784.108	686.893.687	33.217.234.859
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	6.131.240.127	-	2.196.589.335	-	8.327.829.462
Số cuối năm	5.917.327.936	-	1.413.500.081	-	7.330.828.017

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	22.710.000.000	-	22.710.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Everpia Korea	22.710.000.000	-	(*)	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	
	34.300.390.000	(11.590.390.000)	34.300.390.000	(11.590.390.000)	

(*) Cổ phiếu của công ty con này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này.

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472033001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Vào ngày 2 tháng 4 năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty liên kết này đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động.

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	330.000.000	605.000.000
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	533.150.507	164.379.593
Bảo hiểm cháy nổ	572.741.238	449.309.413
Phí quảng cáo	6.985.919.358	5.757.580.362
Khác	2.039.491.208	1.188.503.061
	10.461.302.311	8.164.772.429
Dài hạn		
Tiền thuê mặt bằng (*)	6.802.315.625	7.076.234.375
Tiền nội thất showroom	3.317.136.477	4.244.622.230
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	5.772.213.179	2.278.825.990
Khác	1.111.837.706	876.341.974
	17.003.502.987	14.476.024.569

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	66.654.551.783	66.654.551.783	44.182.953.726	44.182.953.726
- Công ty TNHH Quốc tế EP	186.752.809	186.752.809	2.869.397.818	2.869.397.818
- Tập đoàn BCH	1.805.704.130	1.805.704.130	-	-
- Công ty TNHH SL	5.697.835.909	5.697.835.909	-	-
- Phải trả đối tượng khác	58.964.258.935	58.964.258.935	41.313.555.908	41.313.555.908
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>13.087.131.578</u>	<u>13.087.131.578</u>	<u>14.344.619.139</u>	<u>14.344.619.139</u>
	<u>79.741.683.361</u>	<u>79.741.683.361</u>	<u>58.527.572.865</u>	<u>58.527.572.865</u>

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ba- Pho-Hue 289B	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	1.491.800.139	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Syrena Phú Quốc	-	3.430.856.814
Công ty TNHH Hòa Bình	-	1.350.515.149
Các đối tượng khác	17.911.610.848	4.213.037.956
TỔNG CỘNG	<u>21.403.410.987</u>	<u>8.994.409.919</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	3.163.977.423	35.300.634.410	33.810.835.335	4.653.776.498
Thuế nhập khẩu	-	599.549.481	499.737.749	99.811.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30)	14.210.375.784	23.131.970.018	20.571.815.592	16.770.530.210
Thuế thu nhập cá nhân	861.155.321	12.633.128.026	12.384.695.083	1.109.588.264
Các loại thuế khác	-	1.904.250.017	1.522.147.178	382.102.839
	<u>18.235.508.528</u>	<u>73.569.531.952</u>	<u>68.789.230.937</u>	<u>23.015.809.543</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí quảng cáo	-	9.794.812.433
Chi phí phải trả khác	3.312.520.102	3.014.708.465
	3.312.520.102	12.809.520.898
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	7.900.885.160
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	3.312.520.102	4.908.635.738

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	5.674.873.817	3.961.761.775
Phải trả tiền coupon	17.272.727	1.228.693.181
Kinh phí công đoàn	220.617.848	33.978.810
Bảo hiểm xã hội	122.556.446	132.306.545
Phải trả ngắn hạn khác	123.260.517	218.415.904
	6.158.581.355	5.575.156.215
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	12.709.150.558	11.714.105.713
Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng	2.762.996.314	2.762.996.314
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	116.818.000
	15.588.964.872	14.593.920.027

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

21.1 Các khoản vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị					Giá trị		
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1.1)	38.681.935.275	38.681.935.275	190.801.655.084	(179.334.262.019)	2.149.959.353	52.299.287.693	52.299.287.693	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	25.728.214	25.728.214	-	(25.728.214)	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.1.2)	16.497.394.471	16.497.394.471	16.497.394.471	(16.497.394.471)	305.162.498	16.802.556.969	16.802.556.969	
	55.205.057.960	55.205.057.960	207.299.049.555	(195.857.384.704)	2.455.121.851	69.101.844.662	69.101.844.662	
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn								
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.1.3)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	100.000.000.000	100.000.000.000	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1.2)	29.951.919.582	29.951.919.582	-	(16.497.394.471)	61.639.980	13.516.165.091	13.516.165.091	
	179.951.919.582	179.951.919.582	-	(66.497.394.471)	61.639.980	113.516.165.091	113.516.165.091	
	235.156.977.542	235.156.977.542	207.299.049.555	(262.354.779.175)	2.516.761.831	182.618.009.753	182.618.009.753	

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY, THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

21.1.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	6.070.934.307	USD 261.172	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 25 tháng 1 năm 2019	2,90%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	8.202.176.772	USD 352.858	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 30 tháng 1 năm 2019	2,90%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	5.703.002.684	USD 245.343	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 22 tháng 2 năm 2019	3,10%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	4.547.433.297	USD 195.631	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 29 tháng 4 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Woori Bank	8.630.698.845	USD 371.133	Lãi vay thanh toán vào ngày 30 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 18 tháng 5 năm 2019	3,70%	Thư bảo đảm của Mr Lee Jae Eun
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	1.677.855.946	USD 72.181	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 22 tháng 2 năm 2019	3,10%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	4.049.072.817	USD 174.191	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 24 tháng 4 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	5.713.573.348	USD 245.798	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 29 tháng 4 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	2.531.359.114	USD 108.899	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 2 tháng 5 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	2.845.442.070	USD 122.411	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 12 tháng 5 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	2.327.738.493	USD 100.139	Lãi vay thanh toán vào ngày 26 mỗi tháng, gốc vay được trả vào ngày 20 tháng 5 năm 2019	3,40%	Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hưng Yên
	52.299.287.693				

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY, THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay và thuê tài chính (tiếp theo)

21.1.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND tương đương			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	18.515.561.840	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020. Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng.	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2,7%/năm	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống cân trục và hệ thống cung cấp điện; nhà xưởng, văn phòng và công trình liên quan được tài trợ; tài sản cố định trên đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	9.257.705.920	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020. Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng.	3 năm đầu lãi suất cố định là 7%, sau đó lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 2%/năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	2.545.454.300	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021. Lãi vay thanh toán vào ngày 28 mỗi tháng.	Lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 1,3%/năm	Ô tô mua bởi khoản vay này
Trong đó:	30.318.722.060			
Vay dài hạn đến hạn trả	16.802.556.969			
Vay dài hạn	13.516.165.091			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY, NỢ THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay và thuê tài chính (tiếp theo)

21.1.3 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	100.000.000.000	8,1%	Đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2022	150.000.000.000	7,5%	Đáo hạn vào ngày 30 tháng 8 năm 2022
TỔNG CỘNG	100.000.000.000			150.000.000.000		

Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2017/EVE-BVB giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên, vào ngày 25 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu. Ngày 13 tháng 9 năm 2018, Công ty đã mua lại 50 trái phiếu, tương đương với 50 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy Hưng Yên tại Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- ▶ Tài sản gắn liền với đất của nhà máy tại Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội;
- ▶ Máy móc thiết bị của Công ty tại nhà máy Hà Nội và tại nhà máy Hưng Yên; và
- ▶ Tài sản cố định khác từ phương án phát hành trái phiếu năm 2017.

21.2 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 10.100.000 triệu đô la Mỹ được phát hành vào ngày 6 tháng 9 năm 2018 ("Ngày phát hành") với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không có tài sản đảm bảo và có lãi suất 1%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được hoán đổi) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả dài hạn.

Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền hoán đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh giảm không quá 70% của giá chuyển đổi ban đầu sau thời điểm phát hành, bắt đầu sau một năm kể từ Ngày phát hành cho đến 1 tháng trước ngày đáo hạn. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Thay đổi trong năm				Số cuối năm
	Số đầu năm	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	
Giá trị	-	234.774.500.000	-	-	234.774.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY, NỢ THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	234.774.500.000	-
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	<u>234.774.500.000</u>	<u>-</u>
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	-	-
Số đầu năm	-	-
Số phân bổ tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	<u>234.774.500.000</u>	<u>-</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	86.908.516	1.531.146.836
Tăng trong năm:	-	-
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
Giảm trong năm:	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(86.908.516)</u>	<u>(1.444.238.320)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>86.908.516</u>

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	-	12.055.386.440	338.770.658.603	973.696.499.290	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	45.518.882.264	45.518.882.264	
- Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	-	(49.000.000.000)	-	-	(49.000.000.000)	
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4.480.741.313	(4.480.741.313)	-	
- Cổ tức công bố/đã chia	-	-	-	-	(41.920.159.250)	(41.920.159.250)	
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.162.914.867)	-	(3.162.914.867)	
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(49.000.000.000)	13.373.212.886	337.888.640.304	925.132.307.437	
Năm nay							
Số đầu năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(49.000.000.000)	13.373.212.886	337.888.640.304	925.132.307.437	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	78.560.881.125	78.560.881.125	
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(27.000.000.000)	-	-	(27.000.000.000)	
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	2.545.955.055	(2.545.955.055)	-	
- Cổ tức công bố/đã chia (*)	-	-	-	-	(39.805.509.500)	(39.805.509.500)	
- Sử dụng quỹ	-	-	-	(15.185.011.053)	-	(15.185.011.053)	
Số cuối năm	419.797.730.000	203.072.724.247	(76.000.000.000)	734.156.888	374.098.056.874	921.702.668.009	

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2018/NQ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2017 ở mức 10% mệnh giá (1.000 VND/1 cổ phiếu) và trích bổ sung cho quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
Cổ phiếu quỹ (*)	(76.000.000.000)	(76.000.000.000)	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
	546.870.454.247	546.870.454.247	573.870.454.247	573.870.454.247

Đơn vị tính: VND

(*) Trong tháng 11 và tháng 12 năm 2018, Công ty đã mua lại 1.500.000 cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 17.800 VND/cổ phiếu.

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	419.797.730.000	419.797.730.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>419.797.730.000</u>	<u>419.797.730.000</u>

23.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	39.805.509.500	41.920.159.250
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017: 1.000 VND/cổ phiếu	39.805.509.500	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	-	41.920.159.250
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	-

23.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(3.931.800)	(2.431.800)
Cổ phiếu phổ thông	(3.931.800)	(2.431.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	38.047.973	39.547.973
Cổ phiếu phổ thông	38.047.973	39.547.973
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2017: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/ĐHĐCĐ2018/NQ ngày 20 tháng 4 năm 2018 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

24. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	30.160.675.690	-
Dự phòng phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	(30.160.675.690)	-
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	314.053,77	259.481
- Euro (EUR)	146.406,10	-

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.181.625.140.719	997.654.216.003
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	<i>715.711.178.679</i>	<i>671.777.572.255</i>
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	<i>281.839.902.083</i>	<i>231.005.866.122</i>
<i>Doanh thu chần bông</i>	<i>49.362.682.157</i>	<i>54.555.363.670</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>42.743.655.087</i>	<i>36.758.315.862</i>
<i>Doanh thu từ bán phế liệu</i>	<i>588.214.272</i>	<i>455.622.892</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>-</i>	<i>3.101.475.202</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khăn</i>	<i>91.379.508.441</i>	<i>-</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.201.416.707)	(3.465.659.352)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(2.201.416.707)</i>	<i>(2.971.198.134)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>-</i>	<i>(494.461.218)</i>
Doanh thu thuần	1.179.423.724.012	994.188.556.651
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	<i>713.509.761.972</i>	<i>668.311.912.903</i>
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	<i>281.839.902.083</i>	<i>231.005.866.122</i>
<i>Doanh thu chần bông</i>	<i>49.362.682.157</i>	<i>54.555.363.670</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	<i>42.743.655.087</i>	<i>36.758.315.862</i>
<i>Doanh thu từ bán phế liệu</i>	<i>588.214.272</i>	<i>455.622.892</i>
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>-</i>	<i>3.101.475.202</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khăn</i>	<i>91.379.508.441</i>	<i>-</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>94.122.630</i>	<i>5.947.655.487</i>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<i>1.179.329.601.382</i>	<i>988.240.901.164</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.478.004.835	8.577.318.030
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.141.070.773	3.851.719.823
Cổ tức được chia	206.400.000	223.600.000
	<u>28.825.475.608</u>	<u>12.652.637.853</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	508.412.878.274	485.354.708.843
Giá vốn thành phẩm bông	186.830.182.625	105.965.890.332
Giá vốn chần bông	23.141.423.151	38.927.392.125
Giá vốn thành phẩm khăn	77.920.054.647	-
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	25.133.172.009	34.438.549.123
Điều chỉnh khấu hao cho tài sản thuộc hạng mục di dời	-	4.243.782.175
	<u>821.437.710.706</u>	<u>668.930.322.598</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	16.466.684.069	7.920.513.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.149.898.070	3.804.748.716
Chi phí tài chính khác	179.882.291	11.599.414.036
	<u>25.796.464.430</u>	<u>23.324.676.543</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.056.678.605	4.816.696.228
- Chi phí nhân công	58.302.883.432	38.313.524.041
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.184.245.295	2.828.177.642
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.097.802.963	31.605.900.951
- Chi phí quảng cáo	33.499.627.091	34.566.481.987
- Chi phí khác	13.739.079.617	10.832.036.309
	159.880.317.003	122.962.817.158
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	54.373.542.148	58.763.630.924
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.485.090.737	8.230.390.460
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.564.050.099	15.599.497.079
- Chi phí khác	26.885.310.839	51.158.852.990
	104.307.993.823	133.752.371.453
	264.188.310.826	256.715.188.611

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	706.032.416.712	522.006.551.307
Chi phí nhân công	220.108.454.744	188.480.792.119
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	44.479.888.042	39.914.573.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.973.501.576	54.378.299.619
Chi phí khác	76.356.286.415	96.659.474.494
	1.111.950.547.489	901.439.691.012

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.131.970.018	21.656.292.114
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.635.209.963)	(9.325.165.995)
	19.496.760.055	12.331.126.119

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	98.057.641.180	57.850.008.383
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	19.611.528.236	11.570.001.677
Các khoản điều chỉnh tăng:	542.280.729	805.844.442
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	542.280.729	805.844.442
Các khoản điều chỉnh giảm:	(657.048.910)	(44.720.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.280.000)	(44.720.000)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(615.768.910)	-
Chi phí thuế TNDN	19.496.760.055	12.331.126.119

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Cho vay		1.500.000.000
		Thu tiền cho vay	-	1.500.000.000
		Doanh thu gia công	-	1.168.155.045
		Lãi cho vay	-	3.697.024.170
		Thanh lý tài sản		2.699.524.473
		Doanh thu dịch vụ	-	1.990.950.060
		Mua máy tính	-	18.639.508
		Mua nguyên vật liệu	-	156.971.015
		Doanh thu bán hàng hóa	-	70.620.870
		Mua tài sản	60.740.395.370	-
		Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu
Góp vốn	-			22.710.000.000
Mua dịch vụ	18.474.057.019			7.489.350.000
Mua hàng hóa	94.122.630			63.532.000
Mua tài sản	7.740.725.456			-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay trình bày tại thuyết minh số 7, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 30.612.324.310 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công	-	59.113.327
		Doanh thu dịch vụ	-	648.087.098
		Doanh thu bán hàng hóa	-	20.512.752
				<u>727.713.177</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	5.246.735.670
			-	5.246.735.670
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	-	60.773.000.000
			-	60.773.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	13.087.131.578	12.240.837.723
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	2.103.781.416
			13.087.131.578	14.344.619.139
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Chi phí làm bằng quảng cáo	-	7.900.885.160
			-	7.900.885.160

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	19.208.354.476	17.299.909.671

32. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.897.179.200	-
Từ 1 đến 5 năm	15.881.372.727	-
	21.778.551.927	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT (tiếp theo)

Trong năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 2180/TCT-CS ngày 4 tháng 6 năm 2018 của Tổng cục Thuế gửi Cục thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn trả lời Công ty về việc trích lập dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài. Theo đó, khoản dự phòng đã trích lập trong các năm trước với tổng số tiền là 10.444.000.000 VND đối với khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Everpia Campuchia (công ty con của Công ty tại Campuchia cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2017) không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau đó, Công ty đã gửi các công văn đến Cục thuế thành phố Hà Nội và Bộ Tài chính để yêu cầu làm rõ cách xử lý cho khoản dự phòng nói trên trong bối cảnh khoản đầu tư ra nước ngoài đã được thanh lý trong năm 2017. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được hướng dẫn của các cơ quan quản lý về vấn đề này.



33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 95,96% tổng doanh thu trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

 _____ Nguyễn Bảo Ngọc Người lập biểu	 _____ Yu Sung Dae Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính	 _____ Lee Jae Eun Tổng Giám đốc
---	--	--

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019